

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT
Ngày: 26 – 01 - 2018
*V/v Tranh chấp đòi lại tài sản,
hủy GCNQSDĐ, thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Bà Lê Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 62/2017/TLPT-DS ngày 15/11/2017 về “Tranh chấp đòi lại tài sản; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962 và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Phạm Thị V; Trú quán: Xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Phạm Thị V và anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1996 (Con bà V); Điều trú quán: Xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Bà V vắng mặt; anh H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Ông Dương Đức T; Sinh năm 1966; Trú tại: Số nhà 47, ngõ 7, đường Nguyễn Khánh Toàn, khối Minh Phúc, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân V, chức vụ phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Mạnh H và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V, là Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện ngày đề 16/6/2015; sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 26/8/2015 của bà Phạm Thị V và bổ sung yêu cầu ngày 27/2/2016, các lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bố mẹ bà Nh là bà Phạm Thị V, sinh năm 1925 và ông Nguyễn Ng, sinh năm 1916, kết hôn với nhau vào năm 1957 và sinh sống tại xóm 3, xã D, huyện D. Năm 1964, ông Ng bà V tích góp được số tiền và đã mua nhà gắn liền với đất của ông Trương Ng (Ngôi nhà gỗ 3 gian và thửa đất tại xóm 3, xã D, huyện D). Ông Ng bà V đang sống ổn định thì đến năm 1972 bị bom Mỹ đánh sập nhà. Đến năm 1979, ông Ng bà V làm lại ngôi nhà 04 gian và các công trình phụ trên thửa đất. Đến ngày 07 tháng 9 năm 1996 thì thửa đất được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 229118, số thửa 558, tờ bản đồ 05-59, diện tích 758m², tại xóm 3, xã D, huyện D. Ông Ng bà V sinh được hai người con là Nguyễn Thị V sinh năm 1960 và Nguyễn Thị Nh sinh năm 1962. Đến năm 1988, bà Nh đi lấy chồng còn ông Ng bà V và chị gái Nguyễn Thị V ở trên mảnh đất đó. Năm 1988, ông Nguyễn Ng qua đời không để lại di chúc, năm 1994 do nhà xuống cấp nên bà V và bà V chị gái bà cải tạo lại ngôi nhà trên. Năm 2014 do tuổi cao sức yếu, bà V muốn chia thửa đất và tài sản trên cho hai con là Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị Nh thì được biết mảnh đất trên đã chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 23/3/2006 giữa người chuyển nhượng là Nguyễn Ng, Phạm Thị V và bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Thị V và Nguyễn Mạnh H (Con bà V). Sau khi biết sự việc trên, bà V rất bức xúc vì ông Ng mất năm 1988 nhưng lại có chữ ký chuyển nhượng QSD đất năm 2006, nên bà V đã khiếu nại; yêu cầu UBND xã D giải quyết. Sau khi tiến hành hòa giải không thành thì bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu; Đòi lại tài sản và hủy Giấy chứng nhận QSD đất đến Tòa án nhân dân huyện D và Tòa án đã thụ lý giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, do tuổi cao sức yếu nên bà V đã chết ngày 27/12/2015. Nay bà Nh là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Phạm Thị V khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Mạnh H trả lại tài sản là ngôi nhà bằng xây dựng năm 1994, diện tích khoảng $65m^2$ và diện tích đất $758m^2$ thuộc thửa đất số 17422 – 558, tờ bản đồ số 05 – 59 tại xóm 3, xã D, huyện D là của bố mẹ bà.

2. Hủy giấy chứng nhận QSD đất số AĐ 263162 do UBND huyện D cấp ngày 26/5/2006, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A04324 mang tên Nguyễn Thị V, Nguyễn Mạnh H, địa chỉ tại xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

3. Chia thừa kế QSD đất đối với diện tích $758m^2$, tại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59 tại xóm 3, xã D, huyện D và chia 1/2 giá trị ngôi nhà bằng xây dựng năm 1994 của bố mẹ bà.

Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H, người đại diện theo ủy quyền của bà V trình bày: Về nguồn gốc thửa đất số 17422 – 558, tờ bản đồ số 05 – 59 tại xóm 3, xã D, huyện D diện tích đất $758m^2$ là của cha mẹ bà V (ông Nguyễn Ng và bà Phạm Thị V). Để lại. Bà V là người quản lý, tôn tạo thửa đất và các tài sản trên đất và là người phụng dưỡng bà V (Mẹ bà V) từ khi ông Ng mất năm 1988 đến khi bà V qua đời. Từ mấy chục năm qua bà V là người sử dụng liên tục thửa đất từ năm 1988 đến tháng 7 năm 2014 thì bà V có tranh chấp.

Năm 2006 bà V bảo sang tên bìa đất cho bà V và con trai bà V là Nguyễn Mạnh H, nên bà V đưa hồ sơ chuyển nhượng về cho bà V làm. Bà V không biết chữ nên nhờ ai viết và ký thay trong hồ sơ chuyển nhượng nay bà mới biết, còn bà Nh biết rõ và không phản đối. Bà V là người tôn tạo, bồi đắp làm tăng giá trị đất đó từ năm 1988 đến nay. Năm 1994 - 1995 bà V xây nhà ở kiên cố, kho chứa hàng hóa, xây tường bao 150m xung quanh khuôn viên vườn. Năm 2014 bà V cải tạo mở rộng nhà kho khoảng $600m^2$ thì bà Nh tranh chấp với bà. Quá trình từ năm 1988 cho đến nay, do cha mất, mẹ già, em gái đi lấy chồng nên bà đứng ra làm chủ và cai quản bảo vệ, mở rộng san lấp hồ bom sau nhà, mở rộng ra phía Đông và phía Tây. Do bị bom nên nhà ông Đề, ông Quỳnh phía Bắc bỏ đi, còn nhà cha mẹ (Ông Ng, bà V) mua năm 1964 với diện tích khoảng $225m^2$, còn toàn bộ diện tích bây giờ bà V đang ở do bà V mở rộng và san lấp hồ bom, kê cao vườn hàng trăm lần. Nay bà V, bà Nh yêu cầu đòi lại đất bà V không nhất trí vì đất bà V đã cho bà V từ năm 1996 và bà đã quản lý, cải tạo đất đó từ năm 1988 đến nay. Về yêu cầu hủy GCNQSD đất bà V không đồng ý vì; Năm 2006 bà V bảo sang tên giấy CNQSD đất cho bà V và con trai Nguyễn Mạnh H, còn bà V nhờ ai viết và ký hộ thì nay bà mới biết, việc như vậy bà Nh biết và không có ý kiến gì. Và nếu hủy bìa của bà V thì cũng phải hủy bìa của bà Phạm Thị V (Nguyễn Ng) vì năm 1988 ông Ng mất, năm 1996 lại cấp bìa mang tên bà Nguyễn Ng. Nay bà V chết,

bà Nh yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ bà không nhất trí. Tại phiên tòa sơ thẩm bà V rút yêu cầu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp mang tên cụ Nguyễn Ng, ngày 07/9/1996.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện D trình bày: Về giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 263162, tại thửa đất số 17422-558, tờ bản đồ số 05-59, diện tích 758m² đã cấp cho bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H địa chỉ, xóm 3, xã D, huyện D cấp ngày 26/5/2006 là không đúng quy định của pháp Luật về đất đai năm 2003 và khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004 của Chính phủ, Hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003, Điều 389 Bộ luật dân sự năm 2005. Ủy ban nhân dân huyện D đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 378/QĐ-UB ngày 24 tháng 3 năm 2015. Theo Điều 1 của quyết định: “Giữ nguyên và tiếp tục thực hiện Thông báo số 215/TB-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ263162 cấp ngày 26/5/2006 mang tên Nguyễn Thị V và Nguyễn Mạnh H, xóm 3, xã D”. Nay bà Phạm Thị V và bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện vụ án dân sự có yêu cầu giải quyết nội dung hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ263162 cấp ngày 26/5/2006 mang tên Nguyễn Thị V và Nguyễn Mạnh H, xóm 3, xã D. Ủy ban huyện D đề nghị Tòa xem xét giải quyết trong cùng vụ án dân sự. Về quan điểm Ủy ban nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số: 378/ QĐ-UB ngày 24 tháng 3 năm 2015.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 2, khoản 5, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 34, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 245, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2, điểm a, khoản 7, Điều 27, khoản 2, Điều 32 Nghị quyết của UBTW Quốc Hội số 326/2016PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng Điều 105 Luật đất đai 2003, khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 29 tháng 10 năm 2004 về thi hành Luật Đất đai 2003; Điều 389, 631, 634, 635, 636 Bộ luật dân sự 2005. Áp dụng Điều 166 Luật đất đai 2013. Điều 609, 611, 612, 613, 623, Điều 649, điểm a, khoản 1 Điều 650, điểm a, khoản 1 Điều 651, và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 229118 Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 07/9/1996 mang tên bà Nguyễn Ng.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AĐ263162 cấp ngày 26/5/2006 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A04324 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An chứng nhận cho bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Mạnh H diện tích 758m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 558m²) tại thửa đất số 17422 – 558, tờ bản đồ số 105 – 59, thời hạn sử dụng lâu dài, tại xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện D thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Mạnh H trả lại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59 của xã D, huyện D có diện tích 758m² (theo hiện trạng là 750,5m²) đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 229118 mang tên bà Nguyễn Ng cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ng và bà Phạm Thị V.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59 của xã D, huyện D có diện tích 750,5m² đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H229118 mang tên bà Nguyễn Ng, địa chỉ xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cho bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Nh trị giá 1.125.750.000 đồng (một tỷ một trăm hai lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

* Giao cho bà Nguyễn Thị V sử dụng phần đất có diện tích 526,2m² (trong đó đất ở 100m², đất vườn 426,2m²). Có V trí kích thước tiết giáp như sau: Phía Đông giáp đất nhà anh Nguyễn Văn Q có kích thước 29,62m; Phía Tây giáp phần đất giao cho bà Nh có kích thước 29,01m; Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước 19,83m; Phía Bắc giáp đất nhà anh Chu Văn D có kích thước 15,61m.

Tại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59 của xã D, huyện D đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 229118 mang tên bà Nguyễn Ng.

* Giao cho bà Nguyễn Thị Nh sử dụng diện tích đất 224,3m² (trong đó đất ở 100m², đất vườn 124,3m²). Có V trí, kích thước tiếp giáp cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất giao cho bà V có kích thước 29,01m; Phía Tây giáp đường giao thông có kích thước 28m (kèm cua góc 0,22m và 0,74m); Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước 6,2m; Phía Bắc giáp đất nhà anh Chu Văn D có kích thước 8,79m.

Tại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59 của xã D, huyện D đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 229118 mang tên bà Nguyễn Ng.

Đối với phần đất được giao có sơ đồ kèm theo bản án.

Buộc bà Nguyễn Thị Nh trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền xây dựng bờ tường bao 35.160.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà Nh được sở hữu bờ tường bao trên khuôn viên đất được chia.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về nghĩa vụ của người phải chịu án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2017, anh Nguyễn Mạnh H và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V kháng cáo với cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung án Bản án sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An. Vì, Bản án sơ thẩm không căn cứ vào kết quả tranh tụng, việc hỏi tại phiên tòa, không xem xét và kiểm tra các chứng cứ tại phiên tòa, kết luận trong vụ án không phù hợp với những tài liệu trong hồ sơ vụ án, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Nh nại, trước khi chết cụ Phạm Thị V mẹ bà có để lại di chúc để lại phần tài sản của cụ V cho bà. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh xuất trình bản di chúc của cụ V để làm căn cứ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V đã được thẩm tra, kết quả tranh luận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh H và người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bà V cho rằng cụ Phạm Thị V không biết chữ, nhưng tại đơn khởi kiện lại có chữ ký và trong quá trình giải quyết vụ án bà V có khiếu yêu cầu thay đổi Thẩm phán được giao giải quyết vụ án, nhưng chưa được giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thấy rằng; Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền cho bà V và anh H đều thừa nhận, sau khi nộp đơn khởi kiện cụ V đã trực tiếp tại Tòa án cấp sơ thẩm nhiều lần để tham gia trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của mình. Còn đối với yêu cầu thay đổi thẩm phán đã có Văn bản số 2266 ngày 15/10/2016 của Chánh án cấp sơ thẩm trả lời và bà V, anh H đã nhận được không có khiếu nại tiếp theo. Do đó yêu cầu này của người đại diện theo ủy quyền của bà V là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu bà Nh cung cấp bản di chúc của cụ V thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh nại, trước khi qua đời cụ V di chúc để lại phần tài cho bà theo như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử và Kiểm sát viên yêu cầu và giải thích, nhưng bà Nguyễn Thị Nh cam kết; không xuất trình, không công bố, không nhận và cũng không thực hiện theo di chúc. Và bà V và anh H cũng xác định; không biết cụ V có để lại di chúc hay không. Do đó ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh xuất trình bản di chúc là không thể thực hiện được.

Về nội dung: Vợ chồng cụ Nguyễn Ng và cụ Phạm Thị V là bố mẹ của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Nh và là ông bà ngoại của anh Nguyễn Mạnh H sử dụng thửa đất thổ cư từ trước năm 1970. Năm 1988 cụ Ng chết, năm 1996 thực hiện chủ trương của Nhà nước cụ Phạm Thị V (Cụ Ng gọi theo tên chồng) kê khai được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 229118 ngày 07/9/1996 diện tích 758m² (200m² đất ở và 358m² đất vườn) mang tên bà Nguyễn Thị Ng, thuộc thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05- 59 có diện tích thực tế 750,5m² tại xóm 3, xã D, huyện D, Nghệ An.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị V, người đại diện theo ủy quyền của bà V và anh Nguyễn Mạnh H đều xác định, thừa nhận: Diện tích thửa đất nêu trên có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Ng, cụ V bố mẹ của bà V, bà Nh và là ông bà ngoại của anh H, nhưng sau khi cụ Ng chết, cụ V mẹ bà V, bà ngoại anh H đã cho mẹ con bà V và anh H toàn bộ thửa đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy CNQSD đất số AD 263162 ngày 26/5/2006 mang tên mẹ con bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H. Xét thấy: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án xác định, sau khi biết được thửa đất của mình đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho mẹ con bà V, anh H, cụ Phạm Thị V khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền về quản lý đất đai. Ủy ban nhân dân huyện D tiến hành thanh tra và đã có kết luận; Việc các cấp có thẩm quyền tiến hành các thủ tục, trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 558, tờ bản đồ số 105 – 59 diện tích 758m² cho bà V và anh H là không đúng qui định của pháp luật và Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V, anh H để chờ quyết định của cơ quan thẩm quyền, bà V, anh H nhận được nhưng không có khiếu nại gì.

Ngày 16/6/2015 và ngày 26/8/2015 cụ Phạm Thị V khởi kiện và bổ sung khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản và quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ con bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Nh (Con của cụ V) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngày 27/12/2015 cụ

Phạm Thị V chết, không để lại di chúc. Ngày 27/2/2016 bà Nguyễn Thị Nh (Con của vợ chồng cụ Ng, cụ V) là người liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ng, cụ V để lại gồm toàn bộ diện tích thửa đất 750,5m². Hơn nữa tại cấp sơ thẩm đại diện Ủy ban nhân dân huyện D giữ nguyên quyết định số 378 ngày 24/3/2015 về quan điểm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho mẹ con bà V và anh H. Do đó cấp sơ thẩm quyết định Hủy Giấy CNQSD đất số AD 263162 ngày 26/5/2006 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H và xác định diện tích 750,5m² đất là di sản của vợ chồng cụ Ng, cụ V để lại và tiến hành chia cho các đồng thừa kế là có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm bà V, anh H và bà Nh đều xác định: Nguồn gốc thửa đất là của cụ Ng, cụ V để lại. Cụ Nguyễn Ng chết ngày 25/12/1988, cụ Phạm Thị V chết ngày 27/12/2015 cả hai cụ đều không để lại di chúc. Diện tích thửa đất là di sản của cụ Ng, cụ V từ trước đến nay chủ yếu do bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H quản lý, là người có công trong việc quản lý tôn tạo, coi sóc đất, nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định cụ thể trong 750,5m² đất thổ cư là di sản của vợ chồng cụ Ng, cụ V để lại để trích phần trị giá công sức cho bà V, anh H bằng quyền sử dụng đất. Do đó cần chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể: Trong số 750,5m² đất tính công sức quản lý, coi sóc, tôn tạo cho bà V và anh H trị giá tương đương 250,5m², còn lại 500m² chia cho cho 2 suất thừa kế mỗi suất 250m². Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Mạnh H cho rằng, mặc dù anh có công cùng bà V mẹ anh trong việc tôn tạo thửa đất và xây dựng các công trình trên đất, nhưng giữa anh và bà V là mẹ con, nên Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho bà V cũng có phần của anh trong đó nên anh H không yêu cầu tách phần công sức của anh mà giao toàn bộ cho bà V sở hữu, sử dụng, do đó cấp sơ thẩm giao cho bà V sử dụng, sở hữu phần đất được trích và chia cùng trị giá bồi bao là phù hợp. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị Nh cho rằng, phần diện tích đất đã có nhà và các công trình của bà V xây dựng trên phần lớn diện tích, nên bà Nh chỉ tự nguyện nhận 224,3m² phần đất trống và trả tiền trị giá tương đương cho bà V. Bởi vậy cấp sơ thẩm chia cho bà Nh 224,3m² phần đất trống, phần còn lại giao cho bà Nh sử dụng là phù hợp cần giữ nguyên.

Do cấp sơ thẩm không xác định phần trị giá tài sản được trích chia công sức cho bà V (250,5m² đất trị giá 375.750.000đ) trong khối di sản của cụ Ng, cụ V để lại, nên đã tính án phí dân sự sơ thẩm phần công sức bà V phải chịu là không chuẩn xác, cần tính lại theo đúng phần di sản mà bà V được chia. Ngoài ra theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Ng năm 1996 có số thửa 558, tờ bản đồ số 05 – 59,

nhưng bản án sơ thẩm lại ghi tờ bản đồ số 105 – 59 là chưa chuẩn xác cần sửa lại cho phù hợp.

Bởi vậy một phần nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H là có cơ sở; Cần chấp nhận sửa Bản án sơ thẩm về án phí và chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

Về án phí: Do điều chỉnh trị giá phần tài sản được chia nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Mạnh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết của UBTW Quốc Hội số 326/2016PL-UBTVQH14, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 105 Luật đất đai 2003, khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 29 tháng 10 năm 2004 về thi hành Luật Đất đai 2003; Điều 389, 631, 634, 635, 636 Bộ luật dân sự 2005; Điều 166 Luật đất đai 2013. Điều 609, 611, 612, 613, 623, Điều 649, điểm a, khoản 1 Điều 650, điểm a, khoản 1 Điều 651, và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H; Sửa Bản án sơ thẩm về án phí và cách tuyên. Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 229118 của Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 07/9/1996 mang tên bà Nguyễn Ng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AĐ263162 cấp ngày 26/5/2006 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất A04324 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An chứng nhận cho bà Nguyễn Thị V và Nguyễn Mạnh H diện tích 758m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn 558m²) thuộc thửa đất số 17422 – 558, tờ bản đồ số 105 – 59, thời hạn sử dụng lâu dài, tại xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Mạnh H trả lại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59 tại xóm 3, xã D, huyện D có diện tích 758m² (theo hiện trạng là 750,5m²) đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 229118 mang tên bà

Nguyễn Ng cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Ng và bà Phạm Thị V.

2. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Nguyễn Ng và cụ Phạm Thị V; Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 05 – 59, tại xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An có diện tích 750,5m² đã được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số H229118 mang tên bà Nguyễn Ng (Hiện đang do bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H quản lý), trị giá 1.125.750.000 đồng (Một tỷ một trăm hai lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Nh, cụ thể như sau:

2.1. Chia và trích chia cho bà Nguyễn Thị V sử dụng phần đất có diện tích 526,2m² (Trong đó đất ở 100m², đất vườn 426,2m²), trị giá 789.300.000 đồng (Trong đó có 250,5m² đất trị giá 375.750.000đ trích công sức). Có V trí kích thước tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất nhà anh Nguyễn Văn Q có kích thước 29,62m; Phía Tây giáp phần đất giao cho bà Nh có kích thước 29,01m; Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước 19,83m; Phía Bắc giáp đất nhà anh Chu Văn D có kích thước 15,61m.

2.2. Chia cho bà Nguyễn Thị Nh sử dụng diện tích đất 224,3m² (Trong đó đất ở 100m², đất vườn 124,3m²), trị giá 336.450.000 đồng. Có V trí, kích thước tiếp giáp cụ thể như sau: Phía Đông giáp đất giao cho bà V có kích thước 29,01m; Phía Tây giáp đường giao thông có kích thước 28m (kèm cua góc 0,22m và 0,74m); Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước 6,2m; Phía Bắc giáp đất nhà anh Chu Văn D có kích thước 8,79m.

(Các phần đất được giao có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Nh trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền xây dựng bờ tường bao 35.160.000 đồng (Ba lăm triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà Nh được sở hữu bờ tường bao trên khuôn viên đất được chia.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 18.580.000 đồng (mười tám triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002382 ngày 01/4/2016 do bà Nh nộp và 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) biên lai thu tiền số 0008736 ngày 20/6/2015 do bà V nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bà Nh còn phải nộp 15.205.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu 20.542.000 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) biên lai thu tiền số 0008736 ngày 20/6/2015 do bà V nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bà V còn phải nộp 19.867.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Buộc bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm do bị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ263162 cấp ngày 26/5/2006 (quyết định cá biệt).

5. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị V 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0004255 ngày 20/9/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phấn